

Số : /TB-UBND

Gia Lương, ngày 03 tháng 07 năm 2023

THÔNG BÁO

**“Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm
năm 2023”**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã về việc thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2023.

Ủy ban nhân dân xã Gia Lương thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2023 (Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

+ Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Gia Lương.

+ Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã

+ Trên trang thông tin điện tử :<http://gialuong.gialoc.haiduong.gov.vn>

- Thời gian công khai 30 ngày: Từ ngày 03/07/2023- 03/08/2023

Ủy ban nhân dân xã Gia Lương thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trưởng ban đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Tải

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023*Đơn vị: 1000 đồng*

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	7.524.530	3.642.350	48,41
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	54.000	26.468	49,01
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.129.000	36.524	1,17
3	Thu bổ sung	4.341.530	2.250.350	51,83
	- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>4.291.000</i>	<i>2.200.000</i>	<i>51,27</i>
	- <i>Bổ sung có</i>	<i>50.530</i>	<i>50.350</i>	<i>99,64</i>
4	Thu chuyển nguồn		1.329.009	
II	TỔNG SỐ CHI	7.524.530	1.921.777	24,54
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000		
2	Chi thường xuyên	4.524.530	1.921.777	42,48
3	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	24.528.030	7.524.530	3.649.094	3.642.350	14,88	48,41
I	Các khoản thu 100%	54.000	54.000	26.468	26.468	49,01	49,01
1	Phí, lệ phí	12.000	12.000	4.219	4.219	35,16	35,16
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	42.000	42.000	20.223	20.223	48,15	48,15
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			2.026	2.026		
5	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.132.500	3.129.000	43.268	36.524	0,21	1,17
1	Các khoản thu phân chia	115.000	115.000	9.548	9.548	8,30	8,30
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000	5.000	3.800	3.800	76,00	76,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000	100.000	5.748	5.748	5,75	5,75
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	20.017.500	3.014.000	33.720	26.976	0,17	0,90
2.1	Thu tiền sử dụng đất	20.000.000	3.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	10.000	8.000	16.880	13.504	168,80	168,80

2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	7.500	6.000	16.840	13.472	224,53	224,53
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.329.009	1.329.009		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.341.530	4.341.530	2.250.350	2.250.350	51,83	51,83
1	Thu bổ sung cân đối	4.291.000	4.291.000	2.200.000	2.200.000	51,27	51,27
2	Thu bổ sung có mục tiêu	50.530	50.530	50.350	50.350	99,64	99,64

